

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2017/DS-ST

Ngày: 29-8-2017.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và nợ hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đình H, sinh năm: 1950, có mặt.
Bà Dương Hồng M, sinh năm 1962, có mặt.
Cùng trú tại: ấp 2, xã Xuân H, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn:* Ông Lê B, sinh năm 1970, vắng mặt.
Bà Lê Thị Hải P, sinh năm 1971, có mặt.
Cùng trú tại: ấp 4, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Trần Đình H, bà Dương Hồng M trình bày: vào ngày 14/4/2013, ông bà có cho vợ chồng ông Lê B và bà Lê Thị Hải P mượn số tiền 120.000.000 đồng để buôn bán heo, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 4% mỗi tháng và thời hạn trả ngày 14/4/2014, hai bên có lập 01 tờ giấy vay tiền có chữ ký của ông B, bà P. Đến ngày 28/5/2013, vợ chồng ông B, bà P tiếp tục mượn của ông bà số tiền 30.000.000 đồng và có ghi vào mặt sau tờ giấy vay nợ ngày 14/4/2013. Khoảng năm 2013, bà P có nhờ bà M đóng hui dùm của bà Nguyễn Thị V, bà M đóng cho bà V được 10 tháng (từ 8/3/2013 đến 8/12/2013), mỗi tháng là 4.000.000 đồng, bà đóng được 40.000.000 đồng, hiện nay bà M đã đóng hui xong cho bà V. Tổng số tiền vay và tiền hui vợ chồng bà P, ông B mượn ông bà là 190.000.000 đồng. Quá trình mượn tiền, ông B và bà P trả cho ông bà được số tiền lãi như sau: Đối với số tiền 120.000.000 đồng, bà P trả được 05 tháng tiền lãi (13/5/2013-13/9/2013) x 4.800.000 đồng là 24.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà P trả được 4 tháng tiền

lãi (từ tháng 6/2013 - tháng 9/2013) x 1.200.000 đồng là 4.800.000 đồng. Sau đó, bà **P** gộp tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng và giảm lãi suất là 2% mỗi tháng, mỗi tháng bà **P** trả số tiền lãi 3.000.000 đồng x 4 tháng (từ tháng 10/2013 - tháng 01/2014) là 12.000.000 đồng. Còn đối với tiền hụi bà **P** trả được 02 tháng là 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà bà **P** trả cho ông bà là 40.800.000 đồng, tiền hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng là 42.800.000 đồng. Từ tháng 02/2014 đến nay bà **P**, ông **B** không trả cho ông bà số tiền lãi và tiền hụi nào. Bà **P** khai đã trả được số tiền lãi là 138.000.000 đồng từ tháng 4/2013 đến tháng 02/2015 là 23 tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng là không đúng, vì từ tháng 02/2014 là bà **P** đã làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho vợ chồng ông bà. Nay ông H, bà M yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê **B**, bà Lê Thị Hải **P** phải trả cho ông bà số tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền hụi là 38.000.000 đồng, đối với số tiền mà ông **B**, bà **P** đã trả tiền lãi là 40.800.000 đồng thì ông bà đồng ý Tòa án điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật, bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 150.000.000 đồng từ tháng 02/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Còn đối với số tiền hụi 38.000.000 đồng, bà không yêu cầu Tòa án tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà M ông H yêu cầu Tòa án tính lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 14/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất trong hạn từ ngày 14/4/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 120 triệu đồng. Còn đối với số tiền 30 triệu đồng, yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 28/5/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Lê **B** và bà Lê Thị Hải **P** trình bày: ông **B**, bà **P** thống nhất có mượn của vợ chồng ông H bà M số tiền 150.000.000 đồng. Lần 1 là ngày 14/4/2013 số tiền 120.000.000 đồng, hẹn đến ngày 14/4/2014 trả, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 4% mỗi tháng và có viết ký giấy mượn tiền cho bà M. Đến ngày 28/5/2013, ông bà mượn tiếp số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 4% mỗi tháng và có ghi vào mặt sau của tờ giấy mượn tiền của ngày 14/4/2013. Khoảng năm 2014, bà có nhờ bà M đóng hụi dùm với số tiền là 40.000.000 đồng, bà **P** thừa nhận có nợ của bà M ông H số tiền hụi là 40.000.000 đồng. Quá trình mượn có trả cho bà M được 138.000.000 đồng tiền lãi, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng trong thời gian 23 tháng (từ tháng 4/2013 đến tháng 02/2015) và có trả được 02 tháng tiền hụi là 2.000.000 đồng. Bà M, ông H cho rằng trả tiền lãi từ tháng 5/2013 đến tháng 1/2014 với số tiền 40.800.000 đồng là không đúng. Nay vợ chồng ông **B**, bà **P** đồng ý trả số tiền 150.000.000 tiền gốc và 38.000.000 đồng tiền hụi nhưng đối với số tiền lãi mà ông bà đã trả là 138.000.000 đồng yêu cầu tòa án điều chỉnh lại theo lãi suất quy định pháp luật còn bao nhiêu trừ vào số tiền gốc cho vợ chồng ông bà. Ông bà không đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật theo yêu cầu của bà M, ông H.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến nay đúng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay 150 triệu đồng, tiền hụi là 38 triệu đồng. Còn đối

với phần lãi suất chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Lê **B** có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **B** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: ông Lê **B**, bà Lê Thị Hải **P** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay, lãi suất vay và không trả khoản tiền góp hui, do đó ông Trần Đình H và bà Dương Hồng M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông **B**, bà **P** thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và hui cho vợ chồng ông H, bà M. Như vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*” theo quy định tại Điều 471 và 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc được quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tư cách đương sự: ông Trần Đình H và Dương Hồng M có đơn khởi kiện ông Lê **B**, bà Lê Thị Hải **P**, do đó Tòa án xác định ông Trần Đình H và bà Dương Hồng M là nguyên đơn, ông Lê **B** và bà Lê Thị Hải **P** là bị đơn trong vụ án theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu các đương sự thì thấy: Ông H, bà M yêu cầu Tòa án buộc ông Lê **B** và bà Lê Thị Hải **P** phải trả số tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền hui là 38.000.000 đồng. Tổng cộng là 188.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án điều chỉnh số tiền lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền lãi mà ông bà đã nhận của ông **B**, bà **P** (từ tháng 5/2013 đến tháng 1/2014) là 40.800.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lãi suất trong hạn theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 120.000.000 đồng tính từ ngày 14/4/2013 đến ngày 14/4/2014 và lãi suất quá hạn tính từ ngày 14/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền 30 triệu đồng yêu cầu tính lãi suất trong hạn tính từ ngày 28/5/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền hui ông bà không yêu cầu tính lãi suất. Còn ông **B**, bà **P** thừa nhận có mượn của ông H, bà M số tiền vay là 150.000.000 đồng và tiền hui 40.000.000 đồng, tổng cộng là 190.000.000 đồng. Quá trình mượn tiền lập 01 tờ giấy có chữ ký của ông bà. Tuy nhiên, trong thời gian mượn tiền đối với số tiền vay là 150 triệu đồng có trả được khoản tiền lãi là 138 triệu đồng, tiền hui là 02 triệu đồng. Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại số tiền lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền lãi mà ông bà đã trả là 138 triệu đồng rồi trừ vào số tiền gốc vay 150 triệu đồng, còn lại tiền gốc ông bà đồng ý trả. Còn đối với tiền hui thì đã trả được 02 triệu và đồng ý trả số tiền 38 triệu đồng. Bà **P** cho rằng đã trả được khoản tiền lãi 138 triệu đồng và có cung cấp người làm chứng là chị Lê Thị **N**, anh Lê Đình **R** nhưng theo lời khai của anh **R**, chị **N** khai có trả tiền lãi dùm cho mẹ thông qua hình thức lấy heo cần trừ đi số tiền lãi 06 triệu đồng mỗi tháng còn lại bao nhiêu thì đưa về, khi trả tiền lãi bà M có viết cho anh chị 01 tờ giấy thể hiện số tiền trả nhưng tờ giấy đó anh chị đã giục bỏ, nhưng anh chị không biết là trả vào thời

gian nào và trả được bao nhiêu tháng. Ông H, bà M không đồng ý với số tiền lãi mà ông B, bà P khai đã trả là 138 triệu, ông bà chỉ nhận được 40.800.000 tiền lãi từ tháng 5/2013 đến tháng 1/2014, từ tháng 2/2014 là gia đình bà P ông B làm ăn thua lỗ nên không có trả tiền lãi, nhưng lần trả tiền lãi có các con của bà P là chị Lê Thị N, anh Lê Đình R đến trả nhưng không phải là trả đến tháng 2/2015 như lời khai của bà P, ông B. Trước đây, ông bà thường lấy heo của bà P bán nhưng từ tháng 02/2014 là không lấy heo bán nữa vì ông B và bà P làm ăn thua lỗ nên không mổ heo, từ tháng 2/2014 ông bà chuyển sang lấy heo của chị Th. Do việc việc trả lãi các bên không thống nhất với nhau nên HĐXX nhận thấy rằng, ông B, bà P khai có trả lãi số tiền 138 triệu nhưng ông bà không có giấy tờ gì để cung cấp. Mặt khác, theo như lời khai của bà P cho rằng tiền lãi trả đều đặn mỗi tháng 6 triệu là không phù hợp, vì đối với số tiền mượn lần 1 là 120 triệu đồng (ngày 14/4/2013) và lần 2 số tiền 30 triệu đồng (ngày 28/5/2013) có giấy tờ và chữ ký của ông B, bà P thì việc trả lãi đối với lần 1 sẽ là tháng 5/2013 sẽ là số tiền 4.800.000 đồng thì tiền lãi đối với lần 2 bà P sẽ phải trả vào tháng 6/2013 với số tiền 1.200.000 đồng. Như vậy, tháng 5/2013 bà P phải trả tiền lãi là 4.800.000 đồng, đến tháng 6/2013 sẽ trả số tiền lãi của số tiền tổng vay 150.000.000 đồng là 6.000.000 đồng nhưng bà P khai là trả tiền lãi từ tháng 4/2013 đến tháng 2/2015. Mặt khác, bà P, ông B không có giấy tờ gì thể hiện việc trả lãi đến tháng 2/2015. Đồng thời, theo lời khai của chị Lê Thị N và anh Lê Đình R thì không nhớ là trả tiền lãi đến tháng nào và trả số tiền bao nhiêu, chỉ biết là có đi trả tiền lãi cho bà P. Do đó, HĐXX nhận thấy lời khai của bà P, ông B không phù hợp. Ông H bà M khai đã nhận của ông B, bà P số tiền 40.800.000 đồng tuy không có giấy tờ gì nhưng ông bà thừa nhận có nhận số tiền lãi là 40.800.000 đồng nên ghi nhận. Từ các tình tiết phân tích trên, HĐXX nhận định lời khai của ông H, bà M là phù hợp nên chấp nhận. Đối với số tiền hui 38 triệu đồng ông B, bà P thừa nhận nên HĐXX ghi nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất của ông H, bà M thì thấy: Khi cho vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi trong giấy vay nợ, thời hạn vay là 01 năm đối với số tiền 120.000.000 đồng (từ 14/4/2013-14/4/2014), còn đối với số tiền 30 triệu đồng thì không thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng vẫn thỏa thuận trả lãi bằng miệng. Khi cho mượn các bên thỏa thuận lãi suất 4% mỗi tháng là vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật nên cần điều chỉnh lại số tiền lãi 40.800.000 đồng. Do ông B, bà P đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả và phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ được quy định tại khoản 2 Điều 305 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền 120 triệu đồng (từ ngày 14/4/2013 đến ngày 14/4/2014) bà P phải trả là 12 tháng, còn từ ngày 14/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 40 tháng 15 ngày.

Cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: $0.75\%/\text{tháng} \times 120.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 10.800.000 \text{ đồng}$

Lãi suất quá hạn: $0.75\%/\text{tháng} \times 150\% \times 120.000.000 \text{ đồng} \times (40 \text{ tháng } 15 \text{ ngày}) = 54.675.000 \text{ đồng}.$

Đối với số tiền 30 triệu đồng, tính từ ngày 28/5/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 51 tháng 01 ngày

Lãi suất trong hạn: $0.75\%/tháng \times 30.000.000 \text{ đồng} \times (51 \text{ tháng } 01 \text{ ngày}) = 11.482.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông **B**, bà **P** phải trả cho ông H bà M là 76.957.500 đồng. Đối với số tiền lãi mà ông H, bà M đã nhận là 40.800.000 đồng phải điều chỉnh lại theo quy định pháp luật. Như vậy, ông **B**, bà **P** phải trả số tiền lãi là 36.157.500 đồng.

Tổng cộng số tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 36.157.500 đồng và tiền hụi là 38.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông **B** bà **P** phải trả cho ông Trần Đình H và bà Dương Hồng M số tiền là 224.157.500 đồng.

Về án phí: do yêu cầu của ông H, bà M được chấp nhận, nên ông **B**, bà **P** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $224.157.500 \text{ đồng} \times 5\% = 11.207.875 \text{ đồng}$.

Hoàn trả lại cho ông H, bà M số tiền 4.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 305, 471, 474, 476 và 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình H và bà Dương Hồng M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi đối với vợ chồng ông Lê **B** và bà Lê Thị Hải **P**.

Buộc vợ chồng ông Lê **B** và bà Lê Thị Hải **P** phải thanh toán cho vợ chồng ông Trần Đình H và bà Dương Hồng M số tiền 224.157.500 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Lê **B**, bà Lê Thị Hải **P** phải nộp 11.207.875 đồng (*Mười một triệu, hai trăm linh bảy ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Đình H và bà Dương Hồng M số tiền 4.750.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 009912 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Ông H, bà M và bà **P** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS. Huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang